

Bản án số: 45/ 2024/ DS-ST  
Ngày: 06.9.2024.  
V/v “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Phú.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu Tường,  
Ông Trần Danh Phú.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:** Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2024/TLST- DS ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2024/QĐXX-ST ngày 19 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 100/2024/QĐST –DS ngày 16 tháng 8 năm 2024 giữa:

**Nguyên đơn:** Ngân hàng C, Địa chỉ: CC5, B L, H, H, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Hữu T1, chức vụ Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, Địa chỉ: K, thị Trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

**Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1981; Địa chỉ: Xóm T, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An, Vắng mặt.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Ông Lưu Đức T2, sinh năm 1982; Địa chỉ: Xóm T, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2024, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:* Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo đề ngày 03/4/2019 của hộ vay Nguyễn Thị V.

Ngày 15/4/2019, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C - Chi nhánh tỉnh N, Ngân hàng C đã giải ngân bằng tiền mặt cho bà Nguyễn Thị V vay số tiền cụ thể như sau:

Số tiền vay : 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).  
Lãi suất : Lãi suất trong hạn 8,250%/ năm, tiền lãi quá hạn là 10,725%/ năm.

Mục đích : Để phát triển sản xuất, kinh doanh nhằm từng bước ổn định cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

Thời hạn : 60 tháng;

Biện pháp đảm bảo: Tín chấp;

Ngày trả lãi : 15 hàng tháng.

Kỳ hạn trả nợ : 12 tháng/ lần.

Số tiền trả trả nợ : 10.000.000 đồng/ lần.

Hạn trả nợ cuối cùng : 15/4/2024.

Ngày chuyển nợ quá hạn: 15/4/2024.

Số tiền gốc khách hàng đã thanh toán: 0 đồng.

Lãi trong hạn đến ngày 15/4/2024: 20.625.000 đồng.

Lãi quá hạn đến hết ngày 06/9/2024 : 13.816.957 đồng.

Số tiền lãi khách hàng đã thanh toán: 8.938.351 đồng.

Dư nợ gốc tính đến hết ngày 06/9/2024: 50.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà Nguyễn Thị V và ông Lưu Đức T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi và nợ gốc.

Để bảo toàn vốn từ ngân sách nhà nước, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Thành buộc bà Nguyễn Thị V và ông Lưu Đức T2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C số tiền nợ tạm tính đến ngày 06/9/2024: tổng cộng là 63.816.957 đồng (Sáu mươi ba triệu tám trăm mười sáu nghìn chín trăm năm mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc: 50.000.000 đồng, N lãi: 13.816.957 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng (Số vay vốn, giấy đề nghị vay vốn). Ngân hàng còn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải chịu án phí và chi phí phát sinh liên quan.

- Đối với bị đơn và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Yên Thành đã triệu tập họp lệ bằng phương thức niêm yết công khai, cho bà Nguyễn Thị V và ông Lưu Đức T2 nhiều lần để tiến hành các thủ tục tố tụng với tư cách là bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà V và ông T2 đều vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân huyện Yên Thành đã tiến hành xác minh. Kết quả là bà V và ông T2 đều có nơi thường trú và nơi ở tại địa phương (Xóm T, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An) nhưng không đến Tòa án để làm việc và giải quyết tranh chấp theo qui định được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành phát biểu ý kiến:

1. Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

## 2. Ý kiến về nội dung giải quyết vụ án:

- Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa thấy: Ngày 15/4/2019, Phòng giao dịch NHCSXH huyện C đã cho bà Nguyễn Thị V vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), lãi suất 8,250%/năm, thời hạn 60 tháng, ngày trả cuối cùng 15/4/2024. Bà V và hộ vay không trả nợ đúng theo cam kết đã ký, Ngân hàng C1 đã chuyển nợ quá hạn toàn bộ số tiền còn dư nợ của gia đình bà V với số tiền 50.000.000 đồng sang nợ quá hạn. Mặc dù Tổ trưởng tổ vay vốn, cán bộ Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện C1 đã đôn đốc gia đình bà V trả nợ nhiều lần nhưng không được. Để thu hồi tài sản cho Nhà nước, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Thành buộc bà Nguyễn Thị V và ông Lưu Đức T2 phải trả nợ cho Ngân hàng C1 số tiền gốc 50.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 06/9/2024 là: 13.817.157 đồng, tổng cộng là 63.817.157 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày tất toán hết món nợ.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự và điều 91, điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị V và ông Lưu Đức T2 phải trả cho Ngân hàng C số tiền trên.

- Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc bà Nguyễn Thị V và ông Lưu Đức T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

### [1] Về tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị V có địa chỉ cư trú tại: Xóm T, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng C và bà Nguyễn Thị V. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, mục đích: Chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo nên được xác định là loại vụ án Dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án huyện huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An thụ lý vụ án đúng thẩm quyền.

- Về việc xét xử vụ án vắng mặt đương sự: Bị đơn và người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 trở lên không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng C khởi kiện bà Nguyễn Thị V yêu cầu thanh toán khoản vay theo hợp đồng tín dụng. Quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng do bên vay không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là loại vụ án dân sự.

Về thời hạn, thời hiệu: Các đương sự không có yêu cầu xem xét về thời hạn, thời hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về nội dung yêu cầu của Nguyên đơn: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào ngày 15/4/2019 nên giao dịch này thuộc trường hợp áp dụng các qui định tại Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản qui phạm pháp luật liên quan để giải quyết. Xét thấy thời gian vay và việc vay nợ theo sổ vay vốn, giấy đề nghị vay vốn gọi tắt là hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn thấy:

Người vay vốn Nguyễn Thị V được Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C - Chi nhánh tỉnh N cấp sổ vay vốn theo đúng trình tự thủ tục vay vốn của Ngân hàng C.

Căn cứ qui định về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo tại Ngân hàng C để phát triển sản xuất, kinh doanh nhằm từng bước ổn định cuộc sống và giảm nghèo bền vững. Ngày 21/7/2015 Thủ tướng chính phủ đã ban hành Quyết định số 28/2015/QĐ - TTg về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo. Ngày 03/4/2019 chị Nguyễn Thị V có đơn đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay theo chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo kèm theo tài liệu về thành viên trong hộ và việc uỷ quyền đại diện hộ vay vốn gửi Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, đơn của chị V có xác nhận của UBND xã P. Cùng thời gian tại cuộc họp các thành viên trong tổ vay vốn (Tổ TK&VV) do ông Võ Đăng Đ là tổ trưởng đã nhất trí đề xuất hộ thành viên Nguyễn Thị V được vay vốn số tiền 50.000.000 đồng với thời hạn vay 60 tháng để mua bò chăn nuôi sinh sản. Tổ vay vốn đã lập danh sách đề nghị và đã được UBND xã P xác nhận, sau đó đã được Ngân hàng phê duyệt. Đến ngày 15/4/2019 Ngân hàng chính sách xã hội huyện C giải ngân bằng tiền mặt cho khách hàng Nguyễn Thị V; Mã khách hàng: 2800121384; Mã tổ: 0183542; Mã Món vay: 6600000715105939; Số tiền: 50.000.000 đồng. tại phiếu giải ngân chị V đã ký nhận cùng giao dịch viên Nguyễn Văn Đ1 và kiểm soát viên Nguyễn Xuân V1 có xác nhận của Ngân hàng. Tại sổ lưu tờ rơi theo dõi cho vay - Thu nợ - Dự nợ ngày 15/4/2019 chị V cũng ký nhận nợ số tiền giải ngân nêu trên.

Căn cứ biên bản xác minh đề ngày 19/6/2024 ông Võ Đăng Đ là tổ trưởng vay vốn tại thời điểm vay cho biết bà V, ông T2 có khoản vay theo chương trình hộ thoát nghèo tại Ngân hàng C số tiền vay 50.000.000 đồng, H bà V mới trả được khoảng hơn 4.000.000 đồng, do hiện nay ông không làm tổ trưởng nữa mà do bà Võ Thị T3 làm, ông đã nghỉ được gần 02 năm nay. Căn cứ các biên bản làm việc với hộ vay vốn có Lãi tồn, biên bản làm việc kiểm tra, xử



lý nợ vay Ngân hàng chính sách, thông báo chuyển nợ quá hạn và bảng theo dõi giao dịch tiền vay khách hàng Nguyễn Thị V tính đến ngày 05/9/2024 có tổng số tiền giao dịch trả lãi tính từ 15/4/2019 đến nay là 8.938.351 đồng.

Mặc dù quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt, Toà án không thu thập được ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, cũng như mong muốn, nguyện vọng của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nêu trên có đủ căn cứ khẳng định nội dung khởi kiện của Ngân hàng là đúng.

Đối với ông Lưu Đức T2 tại thời điểm vay vốn là chồng bà V, là thành viên của hộ gia đình bà Nguyễn Thị V, việc vay vốn của Ngân hàng chính sách mục đích phát triển kinh tế cho hộ gia đình đối với hộ mới thoát nghèo nhằm từng bước ổn định cuộc sống và giảm nghèo bền vững là vì lợi ích chung của hộ. Tại bản án số 74/2024/HNGĐ - ST ngày 30/5/2024 của Toà án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ an đã có hiệu lực pháp luật xác định chị V và anh T2 tại thời điểm này đã ly hôn. Bản án chưa giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Vì vậy nghĩa vụ dân sự phát sinh từ việc tham gia quan hệ dân sự của hộ gia đình được bảo đảm thực hiện bằng tài sản chung của các thành viên. Căn cứ quy định tại Điều 103 Bộ luật dân sự về Trách nhiệm dân sự của thành viên hộ gia đình. Vì vậy, ông Lưu Đức T2 phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà V trả nợ số nợ nêu trên cho Ngân hàng C.

Do đó căn cứ các điều 101,103, 274,278, 429, 357, 463, 466 và điều 470 Bộ luật dân sự và điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo qui định tại các điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 2 điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, khoản 4, Điều 207, 271 và điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 101,103, 274,278, 429, 357, 463, 466 và điều 470 của Bộ luật dân sự và điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Q về án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với bà Nguyễn Thị V và ông Lưu Đức T2 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc bà Nguyễn Thị V và ông Lưu Đức T2 phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C - Chi nhánh tỉnh N số tiền nợ và các khoản tiền lãi tính đến

ngày 06/9/2024 đối với hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn, giấy đề nghị vay vốn) theo phiếu giải ngân đề ngày 15/4/2019 với tổng số tiền phải thanh toán: 63.816.957 đồng (Sáu mươi ba triệu tám trăm mười sáu nghìn chín trăm năm mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc: 50.000.000 đồng, N lãi: 13.816.957 đồng (Tiền nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn) và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn, giấy đề nghị vay vốn).

Kể từ ngày 07/9/2024 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong. Bà Nguyễn Thị V và ông Lưu Đức T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị V và ông Lưu Đức T2 phải có nghĩa vụ liên đới chịu 3.190.848 đồng (Ba triệu một trăm chín mươi nghìn tám trăm bốn mươi tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị V và ông Lưu Đức T2 đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Viện kiểm sát nhân dân h. Yên Thành;
- Chi cục THADS Yên Thành;
- Dương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Văn Phú**